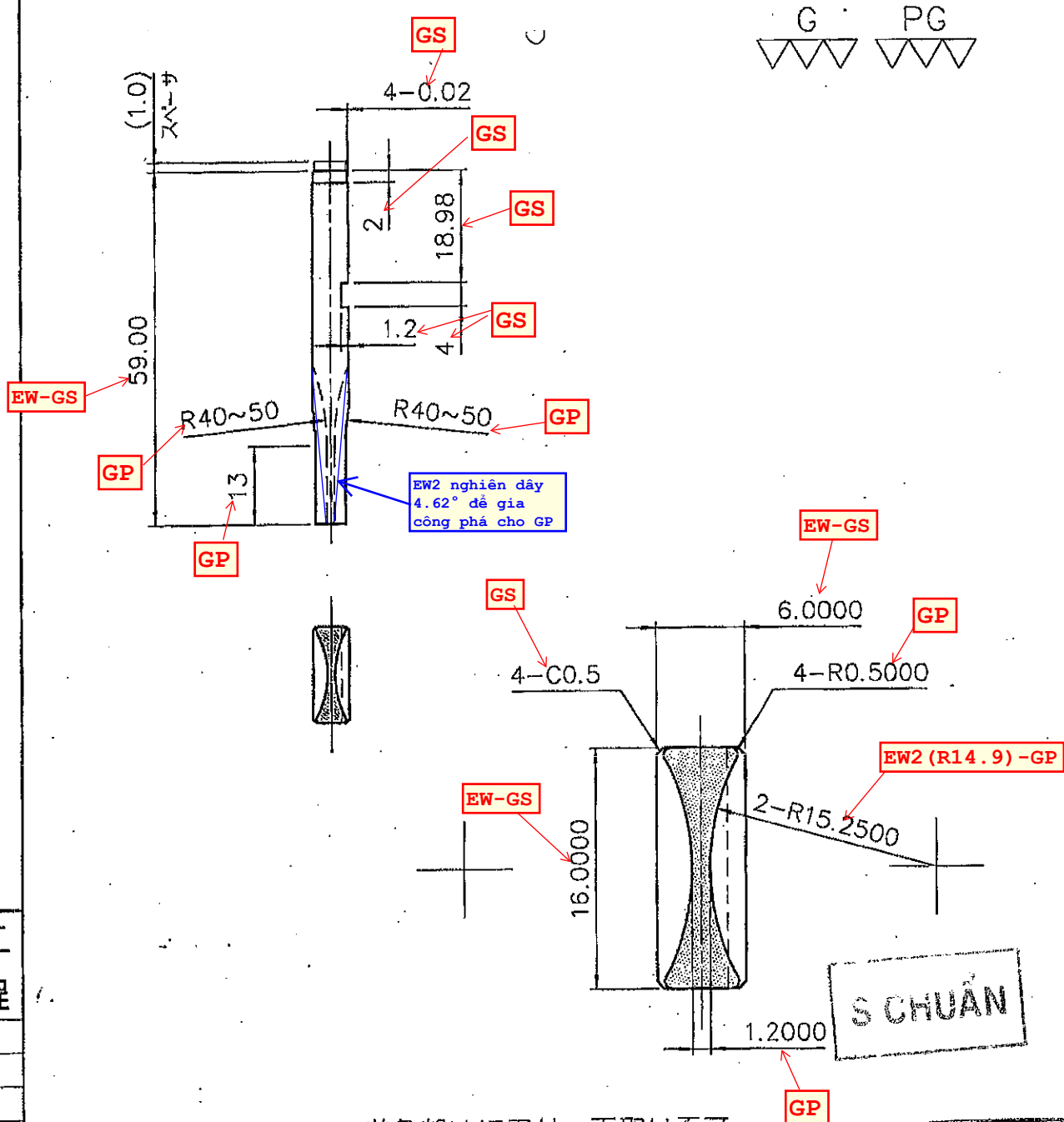


訂正Rev	日	付	記	事	擔	當	金 型 加 工 公 差 表 示			
							0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
							0.000	±0.005	0.000-0	+0.005 -0
							0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
							0.0	±0.1	0.00-0	+0.01 -0
							0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
									0.0-0	+0.1 -0
EW1 ra phôi: T7*16.5*59.5 EW2 nghiền dây 4.62° để gia công phá cho GP							圖面上有公差表示時, 以圖面公差優先			



着色部は切刃付, 面取り不可。

TWM原紙

部 品 名		材 質	數 量	設 備 名 稱		
スリット抜きパンチ		WC(D30/HIP)	2	小ケース板		
熱 處 理	表 面 處 理	檢 圖	設 計	製 圖	日 期	共通部品番號
焼入HRC 焼戻		張富榮	賴振鵬	賴振鵬	01/10/1996	
尺 度	第三圖面 角法番號	S033469				訂正REV
1:1 (/)		PS10-001K-00-1-107-AA				

萬寶至馬達股份有限公司 v.1

414 311 0217

SNO: **S033469**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T7*17*60	EW1:50 GS:150 EW2:90 GP:500 KT